

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 25/2019/HC-GĐT

Ngày 06/11/2019

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Đào;

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Thuân;

- Ông Nguyễn Văn Tiến;

- Bà Đào Thị Xuân Lan;

- Bà Lương Ngọc Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đông, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Lê Thành Dương - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 06/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hành chính về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Kim C, sinh năm 1951;

Cư trú tại: Số nhà 413 (số cũ 15/21), đường THĐ, khu phố BM 1, phường A, thị xã A, tỉnh D.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

+ Ông Trần Ngọc Thanh L, sinh năm 1979;

+ Ông Trần Ngọc Minh P, sinh năm 1973;

Cùng cư trú tại: Số 15/21, đường THĐ, khu phố BM 1, phường A, tỉnh D.

+ Ông Quách Trọng P1, sinh năm 1981;

Cư trú tại: Ấp Trại Lưới B, xã H, huyện C, tỉnh M.

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 14/4/2014 của bà Nguyễn Kim C).

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh D;

Địa chỉ: Số 01, đường Quang Trang, phường C, thành phố M, tỉnh D.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện:

- Ông Huỳnh Văn Đ, Phó chánh Thanh tra Sở xây dựng tỉnh D;
- Ông Nguyễn Trọng N, Cán bộ Thanh tra Sở xây dựng tỉnh D;
- Ông Phạm Văn L1, Phó Trưởng phòng Phòng quản lý nhà, bất động sản Sở xây dựng tỉnh D.

(Theo Văn bản ủy quyền số 1199/UBND-TD ngày 07/5/2012 của ông Trần Văn N, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh D);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1964;

Cư trú tại: Số 26/13, ấp Tây A, phường H, thị xã A, tỉnh D.

+ Ông Nguyễn Tấn S, sinh năm 1970;

Cư trú tại: Số 405/1A, Lê Văn Lương, Tổ 2, Ấp 2, xã K, huyện B, Thành phố H.

+ Ông Đào Minh C1, sinh năm 1964;

+ Bà Nguyễn Ngọc L2, sinh năm 1965.

Cùng cư trú tại: Số 06/17, Cô Giang, Khu phố M, phường A, thị xã A, tỉnh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Kim C đang sử dụng diện tích 110,2 m² gồm 01 căn nhà để ở, đường đi ra công trình phụ (nhà vệ sinh) và phần sân liền kề có diện tích 42 m² tọa lạc tại Khu phố M, phường A, thị xã A, tỉnh D. Nguồn gốc diện tích đất trên là do cha mẹ bà C là cụ Nguyễn Văn M (chết năm 1993) và cụ Đặng Thị K (chết năm 1991) cho bà C sử dụng từ năm 1975 đến nay; hàng năm, bà C đều thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước. Năm 1983, cụ Đặng Thị K (là mẹ của bà C) đăng ký kê khai đất và có đăng ký cả phần đất nêu trên của bà C vào đất chung của cụ Nguyễn Văn M (là bố của bà C).

Ngày 08/01/1992, bà C có đơn xin sửa nhà và được Ủy ban nhân dân huyện A (nay là Ủy ban nhân dân thị xã A) ký xác nhận ngày 18/4/1992 tại Văn bản số 116/XN-UB, bà C đã sử dụng nhà cho đến nay.

Sau khi cụ K, cụ M chết (không để lại di chúc), bà Nguyễn Thị Kim Q là em gái của bà C thay mặt anh chị em trong gia đình làm thủ tục đăng ký kê khai diện tích nhà đất nêu trên.

Ngày 06/3/2002, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh D ban hành Quyết định số 193/QĐ-CT chấp thuận cho bà Nguyễn Thị Kim Q được hợp thức hóa quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở căn nhà số 12/24, đường THĐ, khu phố M, thị trấn (nay là phường) A, huyện (nay là thị xã) A, tỉnh D với tổng diện tích sử dụng căn nhà (cấp IV) là 61,55 m² diện tích đất ở là 192 m²

tại thửa đất số 450 Tờ bản đồ số 30 thị trấn A, huyện A và cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 149/GCN/2002 với diện tích nhà ở là 67,55 m² diện tích đất ở là 192 m² cho bà Nguyễn Thị Kim Q.

Ngày 17/4/2003, bà Q lập Hợp đồng tặng cho ông Nguyễn Tấn S (là em trai của bà C và bà Q) toàn bộ căn nhà số 12/24, đường THĐ, khu phố M, thị trấn (nay là phường) A, huyện (nay là thị xã) A, tỉnh D tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh D, trong đó có đất ở là 80 m².

Ngày 19/01/2004, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh D ban hành Quyết định số 88/QĐ-CT chấp thuận cho bà Nguyễn Thị Kim Q được chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở căn nhà số 12/24 đường THĐ, Khu phố M, thị trấn (nay là phường) A, huyện (nay là thị xã) A, tỉnh D cho ông Nguyễn Tấn S, đồng thời phê duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông Nguyễn Tấn S với diện tích nhà ở là 61,55 m², diện tích đất ở là 80 m².

Tháng 5/2009, ông Đào Minh C1 và bà Nguyễn Ngọc L2, với lý do nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Tấn S, đến xây dựng hàng rào trên thửa đất số 451, diện tích 94,9 m², chiếm dụng luôn cả phần sân liền kề có diện tích 42 m² của bà C nên dẫn đến tranh chấp.

Ngày 24/9/2009, bà Nguyễn Kim C có đơn khởi kiện ông Nguyễn Tấn S bằng vụ án dân sự “*tranh chấp di sản thừa kế*” tại Tòa án nhân dân tỉnh D. Tòa án nhân dân tỉnh D thụ lý vụ án (lần đầu) vào ngày 26/11/2009. Ngày 24/5/2010 ra Quyết định số 02/2010/QĐST-DS đình chỉ giải quyết vụ án dân sự nêu trên. Tại Quyết định số 332/2013/QĐ-PT ngày 23/10/2013, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố H đã hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 02/2010/QĐST-DS của Tòa án nhân dân tỉnh D. Ngày 25/4/2014, Tòa án nhân dân tỉnh D thụ lý lại vụ án. Hiện nay, vụ án dân sự này đang bị Tòa án nhân dân tỉnh D tạm đình chỉ giải quyết vụ án (theo thủ tục dân sự) với lý do: Chờ kết quả giải quyết vụ án hành chính do bà Nguyễn Kim C khởi kiện.

Ngày 02/02/2010, bà Nguyễn Kim C1 và ông Trần Ngọc L2 có đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với ông ông Đào Minh C1 và bà Nguyễn Ngọc L2 tại Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) A, tỉnh D.

Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) A đã thụ lý vụ án dân sự ngày 08/02/2010 và đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự này tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2011/DS-ST ngày 14/01/2011. Bản án dân sự sơ thẩm này bị kháng cáo. Tòa án nhân dân tỉnh D đã thụ lý vụ án để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Hiện nay, vụ án dân sự này đang bị Tòa án nhân dân tỉnh D tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm, chờ kết quả giải quyết vụ án hành chính do bà Nguyễn Kim C khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án dân sự, bà C biết được việc bà Nguyễn Thị Kim Q và ông Nguyễn Tấn S đã được Ủy ban nhân dân tỉnh D cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với diện tích đất của bố, mẹ bà C để lại. Vì vậy, ngày 02/3/2011, bà C có đơn khiếu nại việc Ủy ban

nhân dân tỉnh D cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho bà Nguyễn Thị Kim Q và ông Nguyễn Tấn S.

Ngày 05/12/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh D ban hành Quyết định số 3775/QĐ-UBND giải quyết đơn khiếu nại của bà C với nội dung: *“Bác khiếu nại của bà Nguyễn Kim C đối với việc Ủy ban nhân dân tỉnh D cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở cho bà Nguyễn Thị Kim Q và ông Nguyễn Tấn S”*.

Ngày 19/12/2011, bà C nhận được Quyết định số 3775/QĐ-UBND nêu trên.

Ngày 20/02/2012, bà Nguyễn Kim C có đơn khởi kiện và ngày 06/3/2012, ngày 30/3/2012, bà C có đơn khởi kiện bổ sung vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh D đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 193/QĐ-CT ngày 06/3/2002 và Quyết định số 88/QĐ-CT ngày 19/01/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh D.

Ngày 10/4/2012, Tòa án nhân dân tỉnh D thụ lý vụ án hành chính sơ thẩm số 13/2012/HC-ST.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2013/HC-ST ngày 11/01/2013, Tòa án nhân dân tỉnh D đã quyết định (tóm tắt):

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim C đối với Quyết định số 193/QĐ-CT và Quyết định số 88/QĐ-CT.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/01/2013, bà C có đơn kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 223/2013/HC-PT ngày 14/11/2013, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố H đã quyết định (tóm tắt):

Hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2013/HC-ST ngày 11/01/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh D..., chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh D xét xử lại.

Ngày 07/02/2014, Tòa án nhân dân tỉnh D thụ lý lại vụ án hành chính.

Tại Quyết định đình chỉ xét xử sơ thẩm vụ án hành chính số 02/2014/QĐST-HC ngày 18/4/2014, Tòa án nhân dân tỉnh D đã căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 120 Luật Tổ tụng hành chính, Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, quyết định (tóm tắt):

Đình chỉ xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nêu trên.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/4/2014, bà C có đơn kháng cáo đối với Quyết định đình chỉ xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nêu trên.

Ngày 26/4/2014, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh D có Quyết định số 94/KN-VKS-HC kháng nghị Quyết định đình chỉ xét xử sơ thẩm vụ án hành chính số 02/2014/QĐST-HC ngày 18/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh D theo thủ tục phúc thẩm.

Tại Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 124/2014/QĐ-PT ngày 15/9/2014, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố H đã quyết định: *Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh D và kháng cáo của bà Nguyễn Kim C, giữ nguyên Quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án hành chính số 02/2014/QĐST-HC ngày 18/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh D.*

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm quyết định về án phí.

Không đồng ý với Quyết định phúc thẩm nêu trên, bà Nguyễn Kim C có nhiều đơn đề nghị xem xét lại Quyết định số 124/2014/QĐ-PT ngày 15/9/2014 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố H theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định số 20/2019/KN-HC ngày 21/5/2019, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã kháng nghị Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 124/2014/QĐ-PT ngày 15/9/2014 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố H và đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 124/2014/QĐ-PT ngày 15/9/2014 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố H và Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 02/2014/QĐST-HC ngày 18/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh D; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh D giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi bà Nguyễn Kim C có đơn khởi kiện 02 vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân tỉnh D về “*tranh chấp quyền sử dụng đất*” và “*tranh chấp tài sản chung của những người thừa kế tài sản*”; trong quá trình giải quyết vụ án dân sự, bà Nguyễn Kim C biết được việc bà Nguyễn Thị Kim Q và ông Nguyễn Tấn S đã được Ủy ban nhân dân tỉnh D cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với phần đất của bố, mẹ bà C là cụ Nguyễn Văn M và cụ Đặng Thị K để lại. Vì vậy, ngày 02/3/2011, bà C có đơn khiếu nại việc Ủy ban nhân dân tỉnh D cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho bà Q và ông S (theo các Quyết định số 193/QĐ-CT ngày 06/3/2002 và số 88/QĐ-CT ngày 19/01/2004 đều của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh D). Ngày 05/12/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh D ban

hành Quyết định số 3775/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại với nội dung bác đơn khiếu nại của bà C đối với việc Ủy ban nhân dân tỉnh D cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho bà Q và ông S.

Ngày 19/12/2011, Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh D tổng đạt Quyết định số 3775/QĐ-UBND ngày 05/12/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh D cho bà C.

Ngày 20/02/2012, bà C có đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh D đề nghị hủy Quyết định số 193/QĐ-CT ngày 06/3/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh D về việc hợp thức hóa và cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho bà Nguyễn Thị Kim Q, Quyết định số 88/QĐ-CT ngày 19/01/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh D về việc chuyển quyền và cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông Nguyễn Tấn S và Quyết định giải quyết khiếu nại số 3775/QĐ-UBND ngày 05/12/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh D. Ngày 10/4/2012, Tòa án nhân dân tỉnh D đã thụ lý, giải quyết vụ án. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2013/HC-ST ngày 11/11/2013, Tòa án nhân dân tỉnh D xử bác yêu cầu khởi kiện của bà C đối với Quyết định số 193/QĐ-CT và Quyết định số 88/QĐ-CT. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 223/2013/HC-PT ngày 14/11/2013, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố H tuyên hủy Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh D và giao cho Tòa án nhân dân tỉnh D xét xử lại.

[2] Ngày 07/02/2014, Tòa án nhân dân tỉnh D thụ lý lại vụ án. Tuy nhiên, ngày 18/4/2014, Tòa án nhân dân tỉnh D ra Quyết định số 02/2014/QĐST-HC đình chỉ giải quyết vụ án hành chính với lý do *“Bà C đã biết những quyết định hành chính nêu trên từ năm 2002 và 2004 nhưng đến ngày 30/3/2012 bà C mới khởi kiện các quyết định nêu trên tại Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 104 Luật Tổ tụng hành chính thì thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính đã kết thúc. Mặt khác bà C đã có đơn khởi kiện ngày 24/9/2009 về “tranh chấp di sản thừa kế” đối với ông Nguyễn Tấn S... nên căn cứ Điều 32a Bộ luật Tổ tụng dân sự và Điều 5 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2014 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Điều 32a Bộ luật Tổ tụng dân sự... thì Tòa án sẽ xem xét quyết định hành chính trong cùng vụ án dân sự và không áp dụng thời hiệu quy định trong pháp luật tố tụng hành chính khi xem xét yêu cầu hủy quyết định cá biệt rõ ràng trái pháp luật.”*

Ngày 24/4/2014, bà C có đơn kháng cáo và ngày 26/4/2014, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh D có Quyết định kháng nghị số 94/KN-VKS-HC kháng nghị đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 02/2014/QĐST-HC ngày 18/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh D.

Tại Quyết định phúc thẩm số 124/2014/QĐ-PT ngày 15/9/2014, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố H không chấp nhận kháng

nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh D và kháng cáo của bà C, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 02/2014/QĐST-HC ngày 18/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh D cũng với lý do hết thời hiệu khởi kiện.

[3] Việc Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định thời hiệu khởi kiện vụ án này tính từ ngày bà C biết được Quyết định số 193/QĐ-CT ngày 06/3/2002 và Quyết định số 88/QĐ-CT ngày 19/01/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh D là không đúng quy định của pháp luật.

Bởi lẽ, căn cứ Điều 3 Nghị quyết số 56/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tổ tụng hành chính và Điều 4 Nghị quyết số 01/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 56/2010/QH12 ngày 24/10/2010 của Quốc hội, thì trong quá trình bà C khởi kiện vụ án dân sự (từ tháng 9/2009), bà C mới biết được Quyết định số 193/QĐ-CT ngày 06/3/2002 và Quyết định số 88/QĐ-CT ngày 19/01/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh D nêu trên. Ngày 02/3/2011, bà C có đơn khiếu nại việc Ủy ban nhân dân tỉnh D cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho bà Q và ông S. Ngày 05/12/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh D ban hành Quyết định số 3775/QĐ-UBND giải quyết đơn khiếu nại của bà C. Ngày 19/12/2011, bà C nhận được Quyết định số 3775/QĐ-UBND nêu trên. Không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh D, ngày 20/02/2012, bà C có đơn khởi kiện tại Tòa án là còn thời hiệu khởi kiện được quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 56/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội và Điều 4 Nghị quyết số 01/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Thời hiệu khởi kiện vụ án này được tính từ ngày bà C nhận được Quyết định số 3775/QĐ-UBND (là ngày 19/12/2011), không phải tính từ ngày bà C biết được Quyết định số 193/QĐ-CT và Quyết định số 88/QĐ-CT nêu trên.

[4] Tại Quyết định sơ thẩm số 02/2014/QĐST-HC ngày 18/4/2014, Tòa án nhân dân tỉnh D xác định bà C đã biết Quyết định số 193/QĐ-CT và Quyết định số 88/QĐ-CT từ năm 2002 và năm 2004, nhưng đến ngày 30/3/2012 bà C mới khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện; đồng thời cho rằng ngày 24/9/2009, bà C có đơn khởi kiện vụ án dân sự “*Tranh chấp di sản thừa kế*” với ông Nguyễn Tấn S, nên Tòa án sẽ xem xét quyết định hành chính trong cùng vụ án dân sự và căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 120 Luật Tổ tụng hành chính năm 2010 để đình chỉ giải quyết vụ án là không đúng.

[5] Tại Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 124/2014/QĐ-PT ngày 15/9/2014, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố H nhận định: Bà C khiếu kiện Quyết định số 193/QĐ-CT và Quyết định số 88/QĐ-CT, cả hai Quyết định đều liên quan đến căn nhà số 12/24 Trần Hưng Đạo, thị trấn A, huyện A, tỉnh D. Tòa án cấp sơ thẩm đang thụ lý giải quyết vụ án “*Tranh chấp di sản*”

thừa kế” giữa bà C và ông S, nên các quyết định bà C khiếu kiện sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét trong cùng vụ án dân sự theo quy định tại Điều 32a Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 15 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2014 để giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án nêu trên của Tòa án nhân dân tỉnh D là cũng không đúng.

[6] Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Tòa án nhân dân tỉnh D đang tạm đình chỉ xét xử hai vụ án dân sự *“tranh chấp tài sản chung của những người thừa kế tài sản”* và *“tranh chấp quyền sử dụng đất”* với lý do: Chờ kết quả giải quyết vụ án hành chính này.

Khi thụ lý, giải quyết lại vụ án hành chính này, Tòa án nhân dân tỉnh D căn cứ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao để giải quyết vụ án hành chính này cũng như các vụ án dân sự đang bị tạm đình chỉ giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 266, khoản 1 Điều 271, khoản 3 Điều 272 và khoản 2 Điều 274 Luật Tố tụng hành chính;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 20/2019/KN-HC ngày 21/5/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 124/2014/HC-PT ngày 15/9/2014 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố H;

2. Hủy Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 124/2014/HC-PT ngày 15/9/2014 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố H và Quyết định đình chỉ xét xử sơ thẩm vụ án hành chính số 02/2014/QĐST-HC ngày 18/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh D;

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh D để giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
 - VKSNDTC (Vụ 10 - để biết);
 - TAND cấp cao tại TP HCM;
 - TAND tỉnh D
- (02 bản kèm HSVA);
- VKSND tỉnh D;
 - Cục THA dân sự tỉnh D;
 - Các đương sự (theo địa chỉ);
 - Lưu: Vụ GDKTIII (3b), VP
- (TANDTC), Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Đào

